

**DANH SÁCH CÁC LOÀI LIÊN HỌ FULGOROIDEA  
(HOMOPTERA: AUCHENORHYNCHA) Ở QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ,  
THỪA THIÊN - HUẾ VÀ QUẢNG NAM**

**PHẠM HỒNG THÁI, TẠ HUY THỊNH**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Liên họ Fulgoroidea là nhóm côn trùng chích hút nhựa cây với số lượng loài tương đối lớn, với khoảng 10.000 loài thuộc 20 họ đã được biết đến trên thế giới [1]. Ở Việt Nam, cho đến nay đã ghi nhận 154 loài thuộc 16 họ [4,5,6,7,8,9,10]. Tuy nhiên ở khu vực Trung trung bộ nhóm ve rày này chưa được nghiên cứu nhiều, chủ yếu mới chỉ có dẫn liệu tới tỉnh Quảng Bình [9] và một vài công bố lẻ tẻ mới đây [7,8].

Trong bài báo này, chúng tôi công bố kết quả điều tra về thành phần loài ve-rày thuộc liên họ Fulgoroidea thu được ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam.

## **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Địa điểm, thời gian nghiên cứu**

Địa điểm nghiên cứu được chọn dọc theo hai bên đường Hồ Chí Minh. Ở mỗi tỉnh các điểm điều tra như sau: Quảng Bình: xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Quảng Trị: các xã Húc Nghi, Tà Rụt, A Bung (huyện Đa Krông); các xã Hường Phùng, Hường Linh, thị trấn Khe Sanh (huyện Hường Hoá). Thừa Thiên - Huế: các xã A Roàng, Hồng Trung, Hồng Vân thị trấn A Lưới (huyện A Lưới). Quảng Nam: các xã Phước Xuân, Phước Hiệp, Phước Mỹ, thị trấn Khâm Đức (huyện Phước Sơn), Chà Vài, Tà Bính (huyện Nam Giang), xã Macoih, thị trấn Prao (huyện Đông Giang).

Mẫu vật được thu thập trong các năm 2004-2007, với thời gian cụ thể như sau: 16-31/7/2004; 27/4/2005 đến 7/5/2005; 24/5/2006 đến 11/6/2006 và 10-13/5/2007.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

Thu thập mẫu vật bằng các phương pháp thường quy trong nghiên cứu côn trùng. Mẫu vật được thu thập trên cây, trên mặt đất hoặc đang bay bằng vợt. Dùng bẫy đèn để thu các loài hoạt động ban đêm (thời gian bẫy từ 18 đến 22 giờ 30).

Mẫu vật được xác định tên khoa học theo [2,3,4,5]. Hệ thống phân loại các họ thuộc liên họ được sử dụng theo [1]. Mẫu vật được bảo quản và lưu giữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

## **II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Chúng tôi đã định loại được 118 loài, 14 họ thuộc liên họ Fulgoroidea (bảng 1). Phân tích thành phần loài từng họ, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

1. Họ Ve sấu bướm cánh tròn - Acanaloniidae: Họ này được tách từ họ Ve sấu bướm Flatidae [1]. Theo đó, họ này có 3 loài đã ghi nhận ở Việt Nam. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi loài *Phromnia* sp.1 khác với 2 loài thuộc giống *Phromnia* (Stal, 1858) đã ghi nhận, có thể đây là loài mới cho khoa học.

2. Họ Rầy chổng cánh - Achilidae: đã ghi nhận 4 loài, 4 giống ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu bổ sung 1 giống cho khu hệ côn trùng Việt Nam là *Magadha* Distant, 1906. Loài *Magadha* sp.1 có thể là loài mới cho khoa học.

3. Họ Rầy đốm gân - Cixiidae: đã ghi nhận 9 loài, 6 giống ở Việt Nam. Có 5 loài ở khu vực nghiên cứu, chúng đều khác với các loài đã ghi nhận ở Việt Nam. Có thể các loài này là loài mới cho khoa học. Kết quả nghiên cứu bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 2 giống *Cixius* Latr., 1803 và *Melandeva* Distant, 1906.

4. Họ Rầy nâu - Delphacidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 32 loài, 27 giống ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã xác định có 9 loài trong khu vực nghiên cứu, trong đó có 8 loài khác với các loài đã ghi nhận ở Việt Nam, đồng thời chúng có thể là loài mới cho khoa học. Kết quả cũng bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 3 giống là *Mnemosyne* Stal, 1866, *Pundaluoya* (Kirk., 1902) và *Sardia* (Melichar, 1903).

5. Họ Rầy cánh dài - Derbidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 8 loài, 8 giống. Tại khu vực nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận 1 loài *Pamendanga* sp.1 (có thể là mới cho khoa học) thuộc giống *Pamendanga* Distant, 1906 (bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam).

6. Họ Rầy đầu dài - Dictyopharidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 13 loài, 8 giống. Có 12 loài thuộc 6 giống có mặt ở khu vực nghiên cứu. Trong số 6 giống, đã bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 4 giống: *Miasa* Distant, 1906, *Pirocha* (Kirk., 1902), *Symplata* (Kirby, 1891) và *Udugama* (Stal, 1861). Chúng tôi đã bắt gặp ở khu vực nghiên cứu 12 loài đều khác với các loài đã ghi nhận ở Việt Nam. Trong đó có 4 loài ghi nhận mới cho khu hệ côn trùng Việt Nam là: *Dictyopharina viridissima* Melich, 1903, *Miasa smaragdilinea* Walker, 1857, *Misia smaragdilinea* Walker, 1857, *Putala maculata* Distant, 1906, còn các loài *Miasa* sp.1, *Pirocha* sp.1, *Putala* sp.1, *Symplata* sp.1, *Udugama* sp.1, *Udugama* sp.3, *Ugugama* sp.2, *Ugugama* sp.4 có thể là mới cho khoa học.

7. Họ Ve sấu mắt gai - Eurybrachidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 3 loài, 1 giống. Kết quả nghiên cứu ghi nhận có 1 loài ở khu vực nghiên cứu là *Ancyra* sp.1.

8. Họ Ve sấu bướm - Flatidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 12 loài 10 giống. Kết quả nghiên cứu ghi nhận ở khu vực nghiên cứu có 9 loài, 6 giống. Trong đó 7 loài, 3 giống khác với các loài và giống đã ghi nhận ở Việt Nam. Loài *Siphanta acuta* (Walker, 1851), các giống *Daksha* Distant, 1906, *Pulastya* Distant, 1906 và *Siphanta* Stal là ghi nhận mới cho khu hệ côn trùng Việt Nam.

9. Họ Ve sấu đầu dài - Fulgoridae: đã ghi nhận 27 loài, 10 giống ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận có 9 loài, 6 giống có mặt ở khu vực nghiên cứu. Trong đó đã bổ sung 2 loài cho khu hệ côn trùng Việt Nam *Penthicodes bimaculata* (Schmidt, 1905), *Penthicodes caja* (Walker, 1851), loài *Scamandra* sp.1 có thể là loài mới cho khoa học.

10. Họ Ve sầu cánh ngắn - Issidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 12 loài, 7 giống. Kết quả ghi nhận ở khu vực nghiên cứu có 33 loài, 12 giống. Tất cả các loài này đều khác với các loài đã ghi nhận ở Việt Nam. Trong số 13 giống, bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 9 giống là: *Flavina* Stal, 1861, *Hemiphaeroides* (Melichar, 1903), *Mincopius* (Distnat, 1909), *Nilalohita* Distant, 1906, *Samantiga* Distant, 1906, *Sarima* Melichar, 1906, *Sivaloka* Distant, 1906 và *Thabenoides* Distant, 1916, 33 taxon bậc loài có thể là mới cho khoa học.

Khi tham khảo về tỷ lệ từng họ trong liên họ Fulgoroidea đã ghi nhận bởi các tác giả khác, ở Việt Nam chúng tôi thấy rằng họ Rầy nâu - Delphacidae chiếm tỷ lệ cao nhất với khoảng 20,78% tổng số loài của liên họ [6,9]. Tuy nhiên, tại các khu vực nghiên cứu của chúng tôi thì họ Ve sầu cánh ngắn - Issidae lại chiếm tỷ lệ cao nhất với 27,97% trong khi họ rầy nâu chỉ chiếm tỷ lệ 7,63%. Điều này có thể lý giải là do các điều tra trước đây thường chỉ tập trung chủ yếu vào hệ sinh thái nông nghiệp, nên tỷ lệ các loài thuộc họ rầy nâu luôn chiếm tỷ lệ lớn, còn lại tại các điểm nghiên cứu của chúng tôi, phần lớn là rừng tự nhiên, là nơi sống thích hợp cho các loài của một số họ khác trong đó có họ Ve sầu cánh ngắn.

11. Họ Ve sầu trán dài - Lophopidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 3 loài. Ở khu vực nghiên cứu có 12 loài đều khác với các loài đã ghi nhận ở Việt Nam, đồng thời chúng có thể là mới cho khoa học.

12. Họ Ve sầu ngài - Nogodinidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 2 loài, 2 giống. Ở khu vực nghiên cứu ghi nhận 7 loài, 5 giống. Trong đó 2 loài *Gaetulia nigrovenosa* Melich, 1898, *Varcia hemerobii* Walker, 1851 và các giống *Pisacha* Distant, 1906, *Pucina* (Stal, 1886) và *Varcia* Stal, 1870 là bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam, 5 taxon khác có thể là loài mới cho khoa học.

13. Họ Ve sầu bướm xám - Ricaniidae: đã ghi nhận ở Việt Nam có 16 loài, 5 giống. Kết quả này đã ghi nhận có 14 loài, 4 giống ở khu vực nghiên cứu. Trong đó có 3 loài *Pochazia confusa* Distant, 1906, *Pochazia striata* Kirby, 1891, *Ricania caliginosa* Walker và giống *Ricanoptera* (Melichar, 1898) là bổ sung mới cho khu hệ côn trùng Việt Nam. Các taxon *Euricania* sp.1, *Pitambara* sp.1, *Pochazia* sp.1, *Pochazia* sp.2, *Ricania* sp.1, *Ricania* sp.2, *Ricania* sp.4, *Ricania* sp.5, *Ricanoptera* sp.1 có thể là mới cho khoa học, cần tiếp tục nghiên cứu.

14. Họ Rầy gân lưới ngọn cánh - Tropiduchidae: đã ghi nhận ở Việt Nam 7 loài, 6 giống. Ở khu vực nghiên cứu chúng tôi ghi nhận loài *Tambinia* sp.1 khác với các loài đã ghi nhận trước đây.

Bảng 1

**Danh sách các loài liên họ Fulgoroidea thu được ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế và Quảng Nam**

TT	Taxon	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên-Huế	Quảng Nam
	<b>1. Họ Ve sầu bướm cánh tròn - Acanaloniidae</b>				
1	<i>Cerynia maria</i> White, 1846		+	+	+
2	<i>Phromnia</i> sp.1			+	
	<b>2. Họ Rầy chông cánh - Achilidae</b>				

3	<i>Magadha</i> sp.1				+
	<b>3. Họ Rầy đốm gân - Cixiidae</b>				
4	<i>Cixius</i> sp.1		+		+
5	<i>Kirbyana</i> sp.1				+
6	<i>Melandeva</i> sp.1				+
7	<i>Oliarus</i> sp.1		+	+	
8	<i>Oliarus</i> sp.2		+		
	<b>4. Họ Rầy nâu - Delphacidae</b>				
9	<i>Mnemosyne</i> sp.1				+
10	<i>Nilaparvata lugens</i> (Stal)				+
11	<i>Nilaparvata</i> sp.1	+			+
12	<i>Nilaparvata</i> sp.2	+			+
13	<i>Nilaparvata</i> sp.3	+			+
14	<i>Nilaparvata</i> sp.4				+
15	<i>Nilaparvata</i> sp.5			+	
16	<i>Pundaluoya</i> sp.1				+
17	<i>Sardia</i> sp.1				+
	<b>5. Họ Rầy cánh dài - Derbidae</b>				
18	<i>Pamendanga</i> sp.1			+	
19	<i>Zoraida</i> sp.1			+	
	<b>6. Họ Rầy đầu dài - Dictyopharidae</b>				
20	<i>Dictyophara</i> sp.1			+	
21	<i>Dictyopharina viridissima</i> Melich, 1903*	+	+	+	
22	<i>Miasa smaragdilinea</i> Walker, 1857*			+	
23	<i>Miasa</i> sp.1		+	+	+
24	<i>Misia smaragdilinea</i> Walker, 1857*			+	
25	<i>Pirocha</i> sp.1		+		
26	<i>Putala maculata</i> Distant, 1906*			+	
27	<i>Putala</i> sp.1	+			+
28	<i>Symplata</i> sp.1			+	
29	<i>Udugama</i> sp.1				+
30	<i>Udugama</i> sp.3		+		
31	<i>Ugugama</i> sp.2		+		
32	<i>Ugugama</i> sp.4				+
	<b>7. Họ Ve sấu mắt gai - Eurybrachidae</b>				
33	<i>Ancyra</i> sp.1		+		+
	<b>8. Họ Ve sấu bướm - Flatidae</b>				
34	<i>Cryptoflata</i> sp.1	+			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ HAI

35	<i>Daksha</i> sp.1		+		
36	<i>Phromnia marginella</i> Oliv., 1791		+		
37	<i>Phyllyphanta sinensis</i> Walker, 1851		+		
38	<i>Phyllyphanta</i> sp.1			+	
39	<i>Phyllyphanta</i> sp.2		+	+	
40	<i>Phyllyphanta</i> sp.3			+	+
41	<i>Pulastya</i> sp.1	+	+		
42	SIPHANTA ACUTA (WALKER, 1851)*		+		
	<b>9. Họ Ve sấu đầu dài - Fulgoridae</b>				
43	<i>Aphaena discolor nigrotibiata</i> (Schmidt, 1906)		+		+
44	<i>Kalidasa nigromaculata</i> (Gray, 1832)		+		
45	<i>Penthicodes atomaria</i> (Walker, 1801)		+		
46	<i>Penthicodes bimaculata</i> (Schmidt, 1905)*			+	
47	<i>Penthicodes caja</i> (Walker, 1851)*		+		
48	<i>Pyrops spinolae</i> Westwood, 1842		+	+	+
49	<i>Pyrops vitalisia</i> (Distant, 1918)				+
50	<i>Saiva gemnata</i> (Westwood, 1848)				+
51	<i>Scamandra</i> sp.1		+		
	<b>10. Họ Ve sấu cánh ngắn - Issidae</b>				
52	<i>Flavina</i> sp.1				+
53	<i>Gergithus</i> sp.1	+		+	
54	<i>Gergithus</i> sp.2	+			+
55	<i>Hemiphaeroides</i> sp.2			+	
56	<i>Hemiphaeroides</i> sp.3				+
57	<i>Hemisphaerius rufovarius</i> Walker, 1858*	+			
58	<i>Hemisphaerius</i> sp.1	+			+
59	<i>Hemisphaerius</i> sp.2				+
60	<i>Hemisphaerius</i> sp.3		+		
61	<i>Hemisphaerius</i> sp.4	+	+		
62	<i>Hemisphaerius</i> sp.5	+	+	+	+
63	<i>Hemisphaerius</i> sp.6	+	+	+	
64	<i>Hemisphaerius</i> sp.7	+	+	+	
65	<i>Hemisphaerius</i> sp.8		+	+	
66	<i>Hemisphaerius</i> sp.9		+	+	+
67	<i>Hemisphaerius</i> sp.10		+	+	
68	<i>Hemisphaeroides</i> sp.1	+		+	
69	<i>Hemisphaeroides</i> sp.2		+	+	
70	<i>Hemisphaeroides</i> sp.3	+			

71	<i>Jagannata</i> sp.1	+	+		
72	<i>Mincopius</i> sp.1	+			
73	<i>Nilalohita</i> sp.1		+		
74	<i>Samantiga</i> sp.1		+		
75	<i>Sarima</i> sp.1	+			
76	<i>Sarima illibata</i> Melich, 1903*	+			
77	<i>Sarima</i> sp.1	+	+		
78	<i>Sarima</i> sp.2	+	+		
79	<i>Sarima</i> sp.3			+	
80	<i>Sivaloka</i> sp.1		+		
81	<i>Tetrica</i> sp.1	+	+		
82	<i>Tetrica</i> sp.2	+	+	+	+
83	<i>Tetrica</i> sp.3	+	+		
84	<i>Thabenoides</i> sp.1		+		
	<b>11. Họ Ve sâu trán dài - Lophopidae</b>				
85	<i>Elasmoscelis</i> sp.1				+
86	<i>Lopops</i> sp.1			+	
87	<i>Pitambara</i> sp.1		+	+	+
88	<i>Pitambara</i> sp.2			+	+
89	<i>Pitambara</i> sp.3				+
90	<i>Pitambara</i> sp.4		+		
91	<i>Pitambara</i> sp.5		+		
92	<i>Pitambara</i> sp.6				+
93	<i>Serida</i> sp.1	+		+	+
94	<i>Serida</i> sp.2				+
95	<i>Serida</i> sp.3		+		
96	<i>Zamila</i> sp.1	+			
	<b>12. Họ Ve sâu ngài - Nogodinidae</b>				
97	<i>Detya</i> sp.1				+
98	<i>Gaetulia nigrovenosa</i> Melich, 1898*	+			
99	<i>Pisacha</i> sp.1		+		
100	<i>Pucina</i> sp.1				+
101	<i>Pucina</i> sp.2		+		
102	<i>Varcia hemerobii</i> Walker, 1851*	+			+
103	<i>Varcia</i> sp.1		+		
	<b>13. Họ Ve sâu bướm xám - Ricaniidae</b>				
104	<i>Euricania</i> sp.1		+		
105	<i>Pochazia confusa</i> Distant, 1906*			+	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ HAI

106	<i>Pochazia fuscata</i> Fabricius, 1794	+	+	+	+
107	<i>Pochazia</i> sp.1				+
108	<i>Pochazia</i> sp.2	+			
109	<i>Pochazia striata</i> Kirby, 1891*			+	+
110	<i>Ricania caliginosa</i> Walker*				+
111	<i>Ricania marginalis</i> (Walker, 1851)	+	+		+
112	<i>Ricania</i> sp.1		+	+	+
113	<i>Ricania</i> sp.2		+	+	+
114	<i>Ricania</i> sp.4				+
115	<i>Ricania</i> sp.5		+		
116	<i>Ricania speculum</i> Walker, 1851	+	+		+
117	<i>Ricanoptera</i> sp.1			+	
	<b>14. Họ Rầy gân lưới ngọn cánh - Tropiduchidae</b>				
118	<i>Tambinia</i> sp.1			+	+

Ghi chú: Loài đánh dấu sao là ghi nhận mới cho khu hệ Việt Nam.

Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã bổ sung cho khu hệ Việt Nam 14 loài, trong đó họ Rầy đầu dài 4 loài: *Dictyopharina viridissima* Melich, 1903; *Miasa smaragdilinea* Walker, 1857; *Misia smaragdilinea* Walker, 1857 và *Putala maculata* Distant, 1906; họ Ve sần bướm xám 3 loài: *Pochazia confusa* Distant, 1906; *Pochazia striata* Kirby, 1891 và *Ricania caliginosa* Walker; họ Ve sần đầu dài 2 loài: *Penthicodes bimaculata* (Schmidt, 1905) và *Penthicodes caja* (Walker, 1851); họ Ve sần cánh ngắn 2 loài: *Hemisphaerius rufovarius* Walker, 1858 và *Sarima illibata* Melich, 1903; họ Ve sần ngài 2 loài: *Gaetulia nigrovenosa* Melich, 1898 và *Varcia hemerobii* Walker, 1851; họ Ve sần bướm 1 loài: *Siphanta acuta* (Walker, 1851). Kết quả nghiên cứu cũng bổ sung 26 giống cho khu hệ côn trùng Việt Nam.

### III. KẾT LUẬN

Qua các đợt điều tra trong 4 năm 2004-2007 tại 4 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam đã ghi nhận 118 loài thuộc liên họ Fulgoroidea trong đó bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam 14 loài, 26 giống. Khu hệ ve rầy Fulgoroidea ở Trung trung bộ là đa dạng và có những nét đặc trưng với nhiều loài có khả năng là loài mới cho khoa học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carver M. et al, 1990: The Insects of Australia. Vol. I: 464-479. Cornell University press Ithaca, New York.
2. Distant W. L., 1906: The Fauna of British India, Rhynchota. Vol. III: 317-332. London.
3. Distant W. L., 1916: The Fauna of British India, Rhynchota. Vol. VI: 82-85. London.
4. Fennah R. G., 1978: Fulgoroidea (Homoptera) from Vietnam. Annales zoological., 9: 208-279.
5. Lallemand V., 1963: Révision des Fulgoridae (Homoptera). Deuxième partie: faunes asiatique et australienne. - Mém. Inst. r. Sci. nat. Belg. 2e Série, 75.

6. **Mai Phú Quý, Trần Thị Lại, Trần Bích Lan**, 1981: Kết quả điều tra côn trùng miền Bắc Việt Nam: 72-85. Nxb KH&KT, Hà Nội.
7. **Phạm Hồng Thái, Tạ Huy Thịnh**, 2004: Tạp chí Sinh học, 26(3A): 57-60.
8. **Phạm Hồng Thái, Tạ Huy Thịnh**, 2006: Hội thảo khoa học công nghệ quản lý nông học vì sự phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam: 519-523. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
9. **Viện Bảo vệ thực vật**, 1976: Kết quả điều tra côn trùng miền Bắc Việt Nam 1967-1968: 47-49. Nxb Nông thôn, Hà Nội.
10. **Vitalis de Salvaza R.**, 1919: Essai Traite' d'entomologie indochinoise: 262-280. Hanoi.

**LIST OF PLANT HOPPERS FULGOROIDEA  
(HOMOPTERA: AUCHENORRHYNCHA) FROM QUANG BINH,  
QUANG TRI, THUA THIEN-HUE AND QUANG NAM PROVINCE**

*Pham Hong Thai, Ta Huy Thinh*

**SUMMARY**

The study is based on the specimens collected during the field surveys conducted in July 2004, April 2005, May 2005, May 2006, June 2006, and May 2007.

A total of 118 plant hoppers species in 14 families (Acanaloniidae, Achilidae, Cixiidae, Delphacidae, Derbidae, Dictyopharidae, Eurybrachidae, Flatidae, Fulgoridae, Issidae, Lophopidae, Nogodinidae, Ricaniidae, Tropiduchidae) was recorded for Quang Binh, Quang Tri, Thua Thien-Hue and Quang Nam provinces.

Fourteen species are new records for Vietnam, namely *Dictyopharina viridissima* Melich, 1903; *Miasa smaragdilinea* Walker, 1857; *Misia smaragdilinea* Walker, 1857 and *Putala maculata* Distant, 1906 (Dictyopharidae); *Pochazia confusa* Distant, 1906; *Pochazia striata* Kirby, 1891 and *Ricania caliginosa* Walker (Ricaniidae); *Penthicodes bimaculata* (Schmidt, 1905) and *Penthicodes caja* (Walker, 1851) (Fulgoridae); *Hemisphaerius rufovarius* Walker, 1858 and *Sarima illibata* Melich, 1903 (Issidae); *Gaetulia nigrovenosa* Melich, 1898 and *Varcia hemerobii* Walker, 1851 (Nogodinidae); *Siphanta acuta* (Flatidae).

Twenty six genera are new records for Vietnam, namely, *Magadha* Distant, 1906 (Achilidae); *Cixius* Latr., 1803 and *Melandeva* Distant, 1906 (Cixiidae); *Mnemosyne* Stal, 1866, *Pundaluoyna* (Kirk., 1902) and *Sardia* (Melichar, 1903) (Delphacidae); *Pamendanga* Distant, 1906 (Derbidae); *Miasa* Distant, 1906, *Pirocha* (Kirk., 1902), *Symplata* (Kirby, 1891) and *Udugama* (Stal, 1861) (Dictyopharidae); *Daksha* Distant, 1906, *Pulastya* Distant, 1906 and *Siphanta* Stal (Flatidae); *Flavina* Stal, 1861, *Hemiphaeroides* (Melichar, 1903), *Mincopius* (Distant, 1909), *Nilalohita* Distant, 1906, *Samantiga* Distant, 1906, *Sarima* Melichar, 1906, *Sivaloka* Distant, 1906 and *Thabenoides* Distant, 1916 (Issidae); *Pisacha* Distant, 1906, *Pucina* (Stal, 1886) and *Varcia* Stal, 1870 (Nogodinidae) and *Ricanoptera* (Melichar, 1898) (Ricaniidae).